TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2020/DS-PT Ngày 16-6-2020 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu di dời cây trên đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Ông Lộc Sơn Thái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tạ Thị Nhàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLPT-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu di dời cây trên đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2020 và các Thông báo chuyển ngày xét xử số 10/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2020, số 30/TB-TA ngày 31 tháng 3 năm 2020, số 56/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phùng Thị N; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Mông Văn H; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2019); có mặt.

- *Các bị đơn*:

1. Bà Lý Thị T; vắng mặt.

2. Anh Dương Văn H; có mặt.

3. Anh Dương Văn H1; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn).

4. Ông Tô Ngọc L; có mặt.

5. Anh Tô Văn C; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn anh Dương Văn H, anh Dương Văn H1, ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B: Ông Hoàng Văn C, Phó Chủ tịch UBND huyện B (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 8 năm 2019); vắng mặt.

2. Ủy ban T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND T: Ông Lê Thành G, Phó Chủ tịch Ủy ban T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 10 năm 2019); vắng mặt.

3. Anh Mông Văn H; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Mông Văn Q; vắng mặt.

5. Chị Mông Thị M; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ Z, khối Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

8. Chị Mông Thị N; cư trú tại: Thôn N, xã T1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mông Thị N, Mông Thị M và anh Mông Văn Q: Anh Mông Văn H; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2019); có mặt.

9. Chị Bàn Thị V; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C, anh Dương Văn H1, anh Dương Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn bà Phùng Thị N và người đại diện theo ủy quyền là ông Mông Văn H trình bày: Gia đình bà Phùng Thị N có một lô đất trồng rừng có tên gọi là đồi M thuộc thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1998 được cấp sổ bìa xanh theo Quyết định số 25/QĐ-UBND, ngày 09/4/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với lô đất số 77, có diện tích 2,6ha mang tên chồng bà là Mông Văn P. Năm 2000 ông Mông Văn P làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, năm 2001 ông Mông Văn P chết. Đến năm 2004 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số Y188854, số vào sổ 00167 theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND, ngày 06/10/2004 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất số 472 có diện tích 26.000m^2 mang tên chủ hộ Mông Văn P. Năm 2009 Nhà nước đo đạc lại bản đồ thửa 472 chuyển đổi thành thửa đất số 84, có diện tích 40.923m^2 mang tên Phùng Thị N, nhưng bà chưa làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ. Gia đình bà tiếp tục quản lý và canh tác khoanh nuôi tu bổ rừng ổn định cho đến nay. Những năm gần đây thì một số hộ gia đình đến lấn chiếm và tranh chấp một phần thửa đất 84 tại 5 vị trí. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Dương Văn H1, bà Lý Thị T, anh Dương Văn H, ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C chấm dứt tranh chấp đất tại lô số 77 (thửa đất số 472), nay là thửa 84 tại đồi M thuộc thôn C, xã T. Buộc các bị đơn Dương Văn H1, anh Dương Văn H, ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C di dời toàn bộ cây đã trồng trên đất đi nơi khác. Buộc bà Lý Thị T phải bồi thường cây tạp bị chặt phá là: 07m^3 x 200.000 đồng/m^3 là 1.400.000 đồng. Buộc anh Dương Văn H phải bồi thường cây tạp bị chặt là: 03m^3 x 200.000 đồng/m^3 là 600.000 đồng.

Các bị đơn trình bày:

Anh Tô Văn C trình bày: Địa danh tranh chấp là đồi C1, thôn C, diện tích này anh đã khai hoang từ năm 1981 và canh tác liên tục, hàng năm trồng sắn, hoa màu. Gia đình chưa kê khai nên chưa được cấp GCNQSDĐ, từ trước đến nay chưa tranh chấp với ai. Đầu tháng 2/2017 anh trồng cây quế, cây keo, gia đình bà Phùng Thị N không có ý kiến gì. Năm 2018 Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Bình Gia giải quyết lần đầu, chưa thấy gia đình nguyên đơn nói rằng tranh chấp với gia đình anh. Trên đất hiện có 450 cây quế và 30 cây keo, còn cây sắn đã thu hoạch. Nay nguyên đơn yêu cầu trả lại đất, buộc di dời cây

anh không đồng ý, anh yêu cầu được quản lý, sử dụng phần diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất.

Anh Dương Văn H trình bày: Đất rừng M trước năm 1986 là đất của Hợp tác xã trồng chè, từ sau năm 1986 khi Hợp tác xã giải thể, gia đình anh và gia đình anh Tô Văn C đã thỏa thuận mỗi người làm một phần đất, sử dụng ổn định, gia đình anh đã trồng cây quế từ năm 2013 từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Gia đình chưa kê khai xin cấp bìa đỏ. Năm 2018 khi bà Phùng Thị N khởi kiện chưa tranh chấp đến phần đất trồng quế, hiện nay trên đất có 400 cây quế trồng năm 2013. Nay anh không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi lại đất và di dời cây. Anh yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích đất và tài sản, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông Mông Văn P đối với phần diện tích anh đang canh tác.

Bà Lý Thị T trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa bà và nguyên đơn có nguồn gốc là của bố, mẹ chồng để lại, nhưng không có giấy tờ. Bà quản lý, sử dụng trồng sắn từ năm 1992 đến năm 2009. Đến năm 2009 khi thấy đất cằn nên bà bỏ hoang và đi chỗ khác làm rẫy. Trong thời gian bỏ hoang có một số hộ gia đình đến nhờ trồng sắn. Sau đó họ trả lại đất cho bà, đến nay chưa canh tác sử dụng gì, bà chưa được kê khai và cũng chưa được cấp GNCQSDĐ. Đến năm 2018 bà tiếp tục đến phát rừng thì gia đình bà Phùng Thị N mới đến tranh chấp và cho rằng đất đã có sổ bìa đỏ mang tên ông Mông Văn P. Do trước năm 2009 gia đình vẫn canh tác mà ông Mông Văn P được cấp bìa đỏ tại thửa 84 là không đúng. Nay bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông Mông Văn P đối với phần diện tích đất đang tranh chấp với gia đình bà.

Ông Tô Ngọc L trình bày: Đất rừng đang tranh chấp có tên là M thuộc thôn B, nguồn gốc là do bố ông khai phá sau đó để lại cho ông quản lý, sử dụng, quá trình giao không có giấy tờ. Năm 1998 giữa ông và ông Mông Văn P đã thỏa thuận bằng lời nói từ dông làm ranh giới mỗi người làm một bên, nhưng không có người làm chứng. Hàng năm ông trồng sắn, sau đó trồng cây hồi tại phần ranh giới theo thỏa thuận với ông Mông Văn P, tài sản trên đất hiện có 27 cây hồi trồng dặm nên không nhớ năm, 01 bụi cây mai, 01 bụi cây hóp, 21 cây quế trồng rải rác trên đường ranh giới để phân chia đất với người khác. Đất và tài sản trên đất là của riêng ông chưa chia cho các con, ông chưa được cấp GCNQSDĐ, nhưng đã được quản lý sử dụng ổn định đến nay, không ai tranh chấp. Ông cho rằng đất đang tranh chấp ông đã được cấp sổ bìa xanh tại lô 30 từ năm 1994. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không đồng ý di dời cây trên đất. Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

Anh Dương Văn H1 trình bày: Đất rừng tại đồi M, thôn B trước đây có nguồn gốc là của các cụ khai phá, sau đó để lại cho anh quản lý, sử dụng, nhưng không có giấy tờ gì. Năm 2005 anh được trồng hạt kê, năm 2008 đến trước khi trồng quế anh trồng sắn, thời điểm đó có cây chè mọc tự nhiên, đến năm 2013 anh phát toàn bộ diện tích đất, đến năm 2014 thì trồng quế. Khi đó bà Phùng Thị

N có biết nhưng không ý kiến gì. Diện tích đất hiện nay anh chưa kê khai và chưa được cấp giấy tờ gì. Đến năm 2017 bà Phùng Thị N mới đến tranh chấp và cho rằng đất đã được cấp sổ bìa đỏ cho ông Mông Văn P. Trên đất hiện có cây quế của anh trồng năm 2014, ngoài ra chỉ có cây bụi. Nay anh không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không nhất trí di dời cây, anh yêu cầu được quản lý sử dụng đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông Mông Văn P đối với phần diện tích anh đang canh tác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Mông Văn H, anh Mông Văn Q, chị Mông Thị M, chị Mông Thị N thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập. Nay các anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Phùng Ngọc quản lý, sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất. Yêu cầu các bị đơn di dời cây để trả lại đất cho nguyên đơn.

Chị Bàn Thị V: Nhất trí với ý kiến của anh Dương Văn H1.

UBND huyện B trình bày tại văn bản số 1379/UBND-TNMT ngày 22/11/2018 và văn bản số 1280/UBND-TNMT ngày 28/10/2019 như sau: Về thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mông Văn P tại thửa 472 là cấp đúng vị trí lô đất số 77, diện tích 2,6 ha. Đối với thửa đất số 84 theo bản đồ đo đạc mới mang tên Phùng Thị N, chưa được đăng ký cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ. Lô đất số 77, diện tích 2,6 ha Nhà nước đã giao cho hộ ông Mông Văn P có mô tả tứ cận tiếp giáp, tuy nhiên hệ thống bản đồ giao đất, giao rừng và bản đồ cấp GCNQSDĐ năm 2004 không rõ ràng do thực hiện bằng P pháp thủ công nên diện tích sổ bìa xanh không được chính xác. Thửa 84 được ghi trong sổ mục kê mang tên Phùng Thị N chưa được cấp đổi GCNQSDĐ. UBND huyện tôn trọng thực tế sử dụng của các bên. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mông Văn P là đúng trình tự, thủ tục, thời điểm cấp GCNQSDĐ không có tranh chấp, do vậy không đồng ý yêu cầu hủy GCNQSDĐ của các đương sự.

Tại văn bản số 123/UBND ngày 12/10/2018 và văn bản số 117/UBND ngày 07/10/2019 của UBND T, huyện B thể hiện: Đất tranh chấp tại địa danh M, thuộc thôn B, xã T, huyện B, kể từ khi tan Hợp tác xã đến nay không có hộ dân nào canh tác vườn chè tại khu vực đang có tranh chấp. Diện tích thửa 45, 98 chưa hộ gia đình nào kê khai, chưa được cấp cho hộ gia đình nào. Thửa 84 bà Phùng Thị N chưa làn thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ. Theo quy ước thôn, bản không có quy ước nào quy định người dân được phát quang bờ ruộng trong phạm vi 50m. Các thửa đất trên không thuộc diện quy hoạch quốc phòng an ninh.

Tại công văn số 234/CV-KL ngày 31/10/2018 Hạt K huyện B cho biết: Tại biểu tổng hợp giao dất, giao rừng, phần diễn giải phạm vi ranh giới có ghi: Trái theo dông mạy bao slam chao lên đỉnh vòng xuống dông lò ngói đến ruộng của chủ hộ (P). Cách mô tả này do cán bộ thực hiện việc giao đất tiến hành giao theo P pháp khoanh đối diện. Theo đó: Trái theo dông mạy Bao slam chao lên

đỉnh, nghĩa là bên trái của lô đất theo đỉnh dông có cây mạy bao slam chao lên đến đỉnh của lô đất.

Vụ án đã được TAND các cấp xét xử nhiều lần. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 14/11/2019 của TAND huyện Bình Gia đã quyết định: Căn cứ các Điều 186, 190, 199, khoản 1 Điều 589, khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 96, các khoản 2 và 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 70 Luật Bảo vệ và phát triển rừng, khoản 2 Điều 24, khoản 9 Điều 26, các khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165 khoản 1 Điều 166, điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quyết định.

I. Về quyền sử dụng đất:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phùng Thị N, người đại diện theo ủy quyền anh Mông Văn H đối với diện tích đất và tài sản trên đất thuộc các thửa 45.1 diện tích 649m^2; 98.1 diện tích 228m^2; 98.2 diện tích 122m^2; 98.3 diện tích 64m^2; 98.4 diện tích 376m^2; 98.5 diện tích 751m^2; 98.6 diện tích 184m^2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị N về đất tranh chấp. Bà Phùng Thị N được quản lý, sử dụng diện tích đất tại đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nằm trong thửa đất số 84, tờ bản đồ số 03 bản đồ của UBND T, huyện B, tỉnh Lạng sơn, bao gồm:

2.1. Thửa 84.1 diện tích 1.510m$^{2.}$ Phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất Tô Văn C có điểm A6-A7 dài 12,3m; phía Đông Bắc giáp đất Tô Văn H có các điểm A2-A7 dài 20,6m; phía Bắc giáp thửa 84.2 có điểm A2-A3 dài 30,59; Phía Nam giáp đất bà Phùng Thị N có điểm A3-A4 dài 42,59m; Phía Tây giáp thửa 45.1 của Tô Văn C có điểm A4-A6 dài 53,6m;

2.2. Thửa 84.2 diện tích 5.343m^2. Các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp ruộng lúa (khe) có điểm B1-B2-B3 dài 59,70 + 43,30; Phía Tây giáp thửa 84.1 có điểm A2-A3 dài 30,59m; Phía Nam giáp thửa 84.3 có điểm B3-B4 dài 54,50 + 36,49, giáp thửa 84.7 có điểm B4-A3 dài 42,08m; Phía Bắc giáp đất Tô Văn H đang sử dụng có điểm A2-B5-B1 dài 36,14 + 22,20 + 39,82m;

2.3. Thửa 84.3 diện tích 7.057m^2. Các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp thửa 84.2 có điểm B3-B4 dài 54,50 + 36,49m; Phía Tây giáp thửa 84.4 tranh chấp với ông Tô Ngọc L có điểm C1-C2 dài 42,40; giáp đất không tranh chấp C2-C3 dài 50.90; Phía Nam giáp phần đất không tranh chấp và khe ruộng (thửa 98) C3-C9 dài 39,0m; điểm C9-C5-C8 dài 105,5m; Phía Bắc giáp đất không tranh chấp có điểm C1-B4 dài 50,73m.

2.4. Thửa 84.4 diện tích 4.213m^2. Các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất đang tranh chấp có điểm C1-C2 dài 60,38m; Phía Tây giáp đất ông Tô Ngọc L và khe ruộng có điểm D2-D5 dài 138,7m; Phía Nam giáp thửa 84.5 có điểm D4-

D5 dài 36,6m; Phía Bắc giáp đất không tranh chấp (đỉnh) có điểm C1-D1-D2 dài 26,40 + 24,28m.

2.5. Thửa 84.5 diện tích 2.247m^2 các phía tiếp giáp là: Phía Đông giáp đất không tranh chấp có điểm D4-E1 dài 54,67m; Phía Tây giáp khe ruộng có điểm D5-E3 dài 81m; Phía Nam giáp đất không tranh chấp có cạnh E1-E3 dài 31,2m; Phía Bắc giáp thửa 84.4 có điểm D4-D5 dài 36,6m.

(Có mảnh trích đo số 51-2019ngày 16/9/2019, hoàn thành ngày 24/9/2019 kèm theo).

Kiến nghị Chi nhánh V huyện B chỉnh lý về diện tích, địa danh thửa đất đã cấp ghi trong GCNQSDĐ cho hộ ông Mông Văn P đúng với diện tích thửa 84 mà hiện nay bà Phùng Thị N được quản lý, sử dụng.

Buộc các bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp tại các thửa đất 84.1 diện tích 1.510m^2; thửa 84.2 diện tích 5.343m^2; thửa 84.3 diện tích 7.057m^2; thửa 84.4 diện tích 4213m^2; thửa 84.5 diện tích 2.247m^2 tại Đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

II. Về tài sản trên đất: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phùng Thị N về tài sản trên đất, cụ thể:

1. Tài sản thuộc thửa 84.1: Buộc anh Tô Văn C di dời 450 cây quế trên thửa đất 84.1 đi nơi khác trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Tài sản thuộc thửa 84.2: Bà Phùng Thị N sở hữu, quản lý, sử dụng 400 cây quế trị giá 44.000.000 đồng; 03 cây hồi trị giá 1.250.000 đồng và có trách nhiệm thanh toán cho anh Dương Văn H tổng số tiền 45.250.000 đồng (bốn mươi năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Tài sản thuộc thửa 84.4:

3.1. Bà Phùng Thị N được sở hữu, quản lý, sử dụng 27 cây hồi trị giá 6.750.000 đồng; 21 cây quế và có trách nhiệm thanh toán cho ông Tô Ngọc L số tiền là 7.548.000 đồng (bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

3.2. Bà Phùng Thị N được sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản trên đất 01 cây trám trắng, 03m^3 gỗ tạp;

3.3. Buộc ông Tô Ngọc L phải khai thác 01 bụi cây mạy hóp có 05 cây; 01 bụi cây mai có 10 cây, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

4. Tài sản thuộc thửa 84.5: Bà Phùng Thị N được sở hữu, quản lý sử dụng 600 cây quế và có trách nhiệm thanh toán cho anh Dương Văn H1 số tiền 22.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

III. Về yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ: Không chấp nhận yêu cầu của các bị đơn Dương Văn H, Dương Văn H1, Lý Thị T về việc yêu cầu hủy một

phần GCNQSDĐ số Y188854, số vào sổ 00167 theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND, ngày 06/10/2004 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất số 472 mang tên chủ hộ Mông Văn P.

IV. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

1. Buộc bà Lý Thị T phải bồi thường thiệt hại cho bà Phùng Thị N với số tiền là 1.400.000đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Buộc anh Dương Văn H bồi thường cho bà Phùng Thị N 03m^3 gỗ tạp với số tiền là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn buộc các đương sự chịu chi phí tố tụng, án phí, tuyên lãi suất chậm thực hiện hiện nghĩa vụ và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị đơn kháng cáo:

Ông Tô Ngọc L: Yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.213m^2 thuộc thửa 84.4 tại đồi M, thôn B, xã T, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; Không chấp nhận yêu cầu phải khai thác 01 bụi cây mạy hóp có 05 cây; 01 bụi cây mai có 10 cây trên thửa đang đất tranh chấp, không chấp nhận bà Phùng Thị N được sở hữu, quản lý, sử dụng 27 cây hồi và 21 cây quế trên đất tranh chấp; Yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ cấp cho hộ Mông Văn P đối với một phần diện tích đất thuộc thửa 84.4.

Anh Tô Văn C: Yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất 1.510 thuộc thửa 84.1 tại đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Không chấp nhận yêu cầu di dời 450 cây quế trên thửa đất tranh chấp 84.1 đi nơi khác; Yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ cấp cho ông Mông Văn P đối với một phần diện tích đất thuộc thửa 84.1.

Anh Dương Văn H1: Yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích 2.247m^2 thuộc thửa 84.5 tại đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Không chấp nhận bà Phùng Thị N được sở hữu, quản lý sử dụng 600 cây quế trên thửa đất đang tranh chấp; Yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ cấp cho hộ Mông Văn P đối với 1 phần điện tích đất thuộc thửa 84.5.

Anh Dương Văn H: Yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích 5.343m^2 thuộc thửa 84.2 tại đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Không chấp nhận bà Phùng Thị N sở hữu, quản lý, sử dụng 400 cây quế và 03 cây hồi trên thửa đất đang tranh chấp; Không chấp nhận bồi thường cho bà Phùng Thị N 03 m^3 gỗ tạp với số tiền là 600.000đồng; Yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ cấp cho hộ Mông Văn P đối với một phần diện tích đất tranh chấp tại thửa 84.2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Mông Văn H không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn anh Dương Văn H, anh Dương Văn H1, ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C:

Đất tranh cấp là đồi C1, thôn C, không phải đồi M. Diện tích đất tranh chấp do bố, mẹ các anh Dương Văn H1, Dương Văn H, Tô Văn C khai hoang từ những năm 1973, 1980, 1981, 1987, sau đó hàng năm vẫn quản lý, sử dụng trồng cây lương thực ngắn ngày như ngô, sắn. Trên đất tranh chấp thời điểm đó có các cây chè do Hợp tác xã trồng, gia đình các bị đơn vẫn tận thu hái chè. Sau đó các bị đơn phát dọn rừng, trồng hồi, quế, hóp, mai nhưng gia đình nguyên đơn không có ý kiến, đến năm 2018 mới tranh chấp. Biên bản xem xét, thẩm định do TAND huyện Bình Gia lập đã xác định lô 84 (do gia đình các bị đơn quản lý, sử dụng) không trùng ranh giới với lô 77 (trước là lô 472) mà gia đình nguyên đơn được giao; về diện tích lô 84 cũng lớn hơn lô 77. Mặt khác năm 2001 ông Mông Văn P (là chồng của nguyên đơn) chết mà đến năm 2004 mới cấp GCNQSDĐ cho hộ ông P là không hợp lý. Năm 2009 Nhà nước đo đạc lại bản đồ, diện tích, hình thể của thửa đất gia đình nguyên đơn được cấp có sự biến động nhưng người sử dụng không kê khai, không đề nghị cấp lại GCNQSDĐ. Bản đồ năm 2009 đã tự điều chỉnh cho nguyên đơn diện tích mở rộng, hình thể biến dạng là không đúng trình tự, thủ tục. Tại phiên tòa các bị đơn cung cấp bản xác nhận của các nhân chứng là những người sống lâu năm ở địa P, xác định đất tranh chấp là do gia đình các bị đơn sử dụng lâu năm, gia đình nguyên đơn chưa sử dụng bao giờ.

Đối với phần đất tranh chấp với anh Dương Văn H, chưa được hòa giải ở cơ sở vì xã chỉ hòa giải hơn 4000m^2, diện tích 1227m^2 liền kề chưa được hòa giải. Năm 1992, anh trai của anh Dương Văn H là anh Dương Văn H3 đã trồng 200 cây hồi trên diện tích đất của gia đình anh H, liền kề với đất tranh chấp, trong đó có 03 cây trồng trên đất tranh chấp, hiện tại 03 cây hồi đó vẫn còn.

Nay các bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp đối với từng bị đơn cho từng bị đơn; đồng thời sở hữu các tài sản trên đất là cây trồng (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do TAND huyện Bình Gia thực hiện); không chấp nhận bồi thường cho gia đình nguyên đơn như Bản án sơ thẩm đã tuyên; yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình nguyên đơn, liên quan đến các phần đất tranh chấp.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Mông Văn H:

Không nhất trí với yêu cầu và căn cứ kháng cáo của các bị đơn đưa ra. Đồi C1 là lô số 05 là lô của ông Ma Văn G, ông Ma Văn G có ký giáp ranh với ông Mông Văn P, không phải ở vị trí các bị đơn đang lấn chiếm. Biên bản hiện trường ngày 17/01/2017 các bên đều xác nhận đất tranh chấp có tiếp giáp đất của ông Ma Văn G. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình nguyên đơn được cấp bìa xanh từ năm 1998, năm 2000 làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, năm 2001 ông Mông Văn P chết. Trong đơn đăng ký có các ông Tô Ngọc L ký

giáp ranh. Bảng tổng hợp giao đất, giao rừng Hạt K huyện B mô tả rất rõ. Kết quả giám định bản đồ cho thấy lô 77, đổi thành thửa 472 và sau này gọi là thửa 84 có sự trùng khớp. Về sự biến động của diện tích là do trước đây đo đạc bằng thiết bị cũ, con số chưa chính xác. Anh Dương Văn H1, Tô Văn C cho rằng đất tranh chấp do gia đình các anh khai phá từ 1981 là không đúng vì lúc này đang thuộc Hợp tác xã quản lý, UBND xã cũng xác nhận như vậy. Sau khi Hợp tác xã tan không có sự tranh chấp giữa các bên. Anh Dương Văn H1 có trồng quế trên diện tích đất tranh chấp nhưng gia đình nguyên đơn đã trực tiếp trao đổi với mẹ anh Dương Văn H1 tại khu đất ruộng của gia đình nguyên đơn. Gia đình anh Dương Văn H1 đã đề xuất do không biết nên để gia đình anh trồng và khai thác sau đó trả lại đất cho gia đình nguyên đơn. Biên bản hòa giải tại xã anh Dương Văn H1 cũng thừa nhận nội dung này. Gia đình nguyên đơn không báo chính quyền địa phương vì muốn giữ tình làng nghĩa xóm. Năm 2001 ông Mông Văn P chết nhưng năm 2000 ông Mông Văn P đã kê khai, trước đó đã được cấp bìa xanh, sổ xanh và sổ đỏ con số chính xác, năm 2009 đo đạc bằng thiết bị mới diện tích mới biến động. Những người làm chứng xác nhận cho bị đơn đều là anh em trong họ nên lời trình bày của họ không khách quan. Ông Tô Ngọc L cho rằng ông trồng mai trên đất tranh chấp từ năm 1973 là không chính xác vì biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do TAND huyện Bình Gia thực hiện cho thấy không có nội dung này.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Ông Tô Ngọc L, anh Dương Văn H, Dương Văn H1 và anh Tô Văn C kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Đối với địa danh thửa đất tranh chấp đã được các bên thống nhất cũng như được chính quyền địa phương là UBND T xác nhận một phần thuộc thôn B và một phần thuộc thôn C, xã T, huyện B. Diện tích tranh chấp tại các thửa đất đúng theo mảnh trích đo hoàn thành ngày 26/9/2019.

Về nguồn gốc đất tranh chấp, các bị đơn có kháng cáo đều cho rằng đất ông cha để lại, đã canh tác sử dụng ổn định nhưng chưa thực hiện kê khai xin cấp quyền sử dụng đất, đồng thời cũng không có văn bản, giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất là của ông cha để lại. Trong khi đó nguyên đơn Phùng Thị N do anh Mông Văn H đại diện theo ủy quyền xác định nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại, sử dụng ổn định, năm 1998 được cấp sổ bìa xanh theo Quyết định số 25/QĐ-UBND, ngày 09/4/1998 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với lô đất số 77, có diện tích 2,6ha. Năm 2000 ông Mông Văn P làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, năm 2001 ông Mông Văn P chết, gia đình không thực

hiện thủ tục khai tử nên năm 2004 được cấp GCNQSDĐ số Y188854, số vào sổ 00167 theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND, ngày 06/10/2004 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất số 472 có diện tích 26.000m^2 mang tên chủ hộ Mông Văn P. Năm 2009 Nhà nước đo đạc lại bản đồ thửa 472 chuyển đổi thành thửa đất số 84, có diện tích 40.923m^2. Theo trang 2 sổ mục kê tại UBND T thửa 84 mang tên bà Phùng Thị N.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 28/10/2019 về diện tích đất tranh chấp, đã kết luận:

"Diện tích 22.744 m^2 đất tranh chấp thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 51-2019 trùng với diện tích đất lô 77, địa danh đồi M mà ông Mông Văn P được giao quyền quản lý theo Quyết định số 25/UB-QĐ ngày 04/9/1998 của UBND huyện B, đã chuyển đổi sang GCNQSDĐ sêzi sốY188854, thửa đất số 472 mang tên ông Mông Văn P là đúng. Xác định cụ thể kích thước, vị trí phần đất trùng hoặc không trùng nhau giữa diện tích đất tranh chấp và lô 77, thửa 472, như sau: Phần đất trùng nhau giữa diện tích đất tranh chấp với lô 77, thửa 472, bao gồm các thửa: 45.1/649m^2, thửa 84.1/1510m^2, thửa 84.2/5343m^2; thửa 84.3/7057m^2; thửa 84.4/4213m^2; thửa 84.5/2247m^2; Phần đất không tranh chấp trùng nhau với lô 77, thửa 472, bao gồm các thửa: 84.6/1430m^2; thửa 84.7/1589m^2;.."

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/5/2020, anh Dương Văn H trình bày gia đình anh đã trồng cây trên phần đất tranh chấp từ trước năm 1992, hiện còn 03 cây hồi trên đất tranh chấp, anh Mông Văn H xác định cây do gia đình anh Dương Văn H trồng sau năm 1992. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định lại và trưng cầu giám định tuổi cây hồi.

Kết luận giám định tuổi cây ngày 01/6/2020 của giám định viên Hoàng Xuân N đã kết luận: 02 mẫu cây hồi có độ tuổi M1 có tuổi 32+-2 năm tuổi; M2 có tuổi 29+-2 năm tuổi. Căn cứ kết luận giám định đã xác định được gia đình Dương Văn H trồng cây hồi trên một phần đất tranh chấp từ trước năm 1992.

Như vậy, UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ mang tên chủ hộ Mông Văn P là cấp cả phần đất gia đình anh Dương Văn H đã quản lý, sử dụng từ trước năm 1992. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ Mông Văn P.

Căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức "4. Thẩm quyền của tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật Tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh", nên yêu cầu của các bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh.

Ngoài ra, các bị đơn xác định thửa đất số 84 đo vẽ năm 2009 đã trùng lên phần đất các bị đơn sử dụng nhưng cấp sơ thẩm chưa yêu cầu chồng gép bản đồ các thời kỳ để làm rõ các nội dung trên.

Với các các căn cứ nêu trên, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện Bình Gia để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị đơn ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C, anh Dương Văn H1, anh Dương Văn H trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự và lần xét xử này đã được triệu tập là lần thứ 2; bị đơn Lý Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Thị V, đại diện UBND T huyện B, tỉnh Lạng Sơn và đại diện UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có uỷ quyền và bên được ủy quyền có mặt tại phiên tòa.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn ông Tô Ngọc L, anh Tô Văn C, anh Dương Văn H1, anh Dương Văn H, thấy:

[4] Về địa danh đất tranh chấp: Khu đất có tên địa danh là đồi M, trên thực tế diện tích đất thuộc thôn B, xã T. Năm 1994 khi Nhà nước lập hồ sơ Giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng thì hộ ông Mông Văn P được giao lô đất sô 77, địa danh thuộc thôn C, xã T. Như vậy đất tranh chấp một phần thuộc thôn B và một phần thuộc thôn C, cùng thuộc xã T.

[5] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã có công văn số 58/TA-TDS ngày 27/3/2020 yêu cầu Hạt K huyện B, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin và đã nhận được văn bản trả lời. Công văn số 90/CV-KL ngày 01/4/2020 của Hạt K huyện B giải thích về việc ghi phạm vi ranh giới tại biểu giao đất, giao rừng đối với lô 77, giao cho chủ hộ ông Mông Văn P được hiểu như sau: Trái theo dông mạy bao slam chao lên đỉnh vòng xuống dông lò ngói đến ruộng của chủ hộ (P), có nghĩa là bên trái của lô đất theo đỉnh dông, có cây mạy bao slam chao lên đến đỉnh của lô đất; từ đỉnh vòng sang bên phải xuống theo dông lò ngói đến ruộng của chủ hộ (ông P). Công văn số 534/UBND-TNMT ngày 16/4/2020 của UBND huyện B khẳng định: Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng ngày 24/3/1998 cho chủ hộ Mông Văn P đối với lô đất số 77, diện tích 2,6ha, địa danh đồi M, tại thôn C, xã T là cấp nguyên cả lô 77; do khoanh vẽ thủ công nên không có kích thước các cạnh lô đất.

[6] Kết luận giám định tư pháp ngày 28/10/2019 về diện tích đất tranh chấp, có đủ cơ sở để khẳng định: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 84 (Bản đồ

địa chính đo vẽ năm 2009), thuộc thửa 472 (Bản đồ cấp GCNQSDĐ năm 2004), thuộc lô 77 (Bản đồ giao đất, giao rừng năm 1994). Kết quả giám định phù hợp với ý kiến UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa sơ thẩm và nội dung công văn trả lời của Hạt K huyện B và nội dung công văn trả lời của UBND huyện B.

[7] Đây là vụ án tranh chấp dân sự, có một nguyên đơn khởi kiện nhiều bị đơn, tranh chấp giữa nguyên đơn và các bị đơn độc lập với nhau; mỗi bị đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với nguyên đơn tại mỗi diện tích đất khác nhau và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho phía nguyên đơn tương ứng với mỗi phần đất của từng bị đơn hiện đang tranh chấp.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Văn H về phần đất thuộc thửa 84.2 là 5.343m^2 thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/5/2020, anh Dương Văn H trình bày gia đình anh đã trồng cây trên phần đất tranh chấp từ trước năm 1992, hiện còn 03 cây hồi trên đất tranh chấp, anh Mông Văn H xác định cây do gia đình anh Dương Văn H trồng sau năm 1992. Theo yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX đã tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định lại và trưng cầu giám định tuổi cây hồi.

[9] Kết luận giám định tuổi cây ngày 01/6/2020 của Giám định viên Hoàng Xuân N đã kết luận: 02 mẫu cây hồi có độ tuổi M1 có tuổi 32+-2 năm tuổi; M2 có tuổi 29+-2 năm tuổi. Như vậy, căn cứ kết luận giám định xác định gia đình anh Dương Văn H trồng hồi từ trước năm 1992 trên một phần đất tranh chấp.

[10] Căn cứ kết luận giám định tư pháp ngày 28/10/2019 và kết luận giám định tuổi cây trên phần đất tranh chấp với anh Dương Văn H cho thấy, UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mông Văn P có cả phần đất gia đình anh Dương Văn H đã quản lý, sử dụng từ trước năm 1992. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Mông Văn P.

[11] Tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định: "4. Thẩm quyền của tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh"; yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ của bị đơn anh Dương Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh. Cần hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với phần giải quyết tranh chấp với bị đơn Dương Văn H về tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 84.2 diện tích 5.343m^2, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu di dời cây trên đất, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ. Chuyển hồ sơ vụ án cho cho TAND tỉnh Lạng Sơn, giải quyết sơ thẩm lại vụ án; các yêu cầu của các bên đương sự, án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng liên quan sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[12] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Tô Ngọc L thấy: Một phần diện tích thuộc thửa 84.4 là 4.213m^2, trong đó 1.133m^2 trồng 27 cây hồi năm 2012 - 2013 và 21 cây quế trồng dặm. Quá trình giải quyết vụ án ông cho rằng diện tích đất nêu trên của ông cha để lại, nhưng không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh về quá trình quản lý, sử đụng đất. Tại phiên tòa sơ thẩm ông lại cho rằng sau khi được ông Mông Văn P thỏa thuận tách cho đất từ năm 1998 ông đã được cấp sổ bìa xanh tại lô 30 và xuất trình chứng cứ là Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng mang tên Tô Văn L. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết luận giám định bản đồ thấy rằng phần diện tích này thuộc thửa 84.4 là trùng với thửa 472 và lô 77 mang tên hộ Mông Văn P. Căn cứ Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng thì ông được giao lô 30 từ năm 1994, nên không có việc ông Mông Văn P tách diện tích đất tại lô 77 cho ông từ năm 1998. Tại cấp phúc thẩm ông Tô Ngọc L xuất trình thêm người làm chứng: Dương Thượng P, Dương Thượng N, Dương Thượng T, Mông Văn T, Ma Văn D. Những người làm chứng này viết thành văn bản nhưng cũng không chỉ rõ được vị trí cụ thể của phần đất tranh chấp; những người họ Dương có ông Dương Thượng N là bố đẻ bị đơn Dương Văn H và những người họ Dương khác là họ hàng của bị đơn Dương Văn H; ông Ma Văn D có quan hệ là thông gia với bị đơn Tô Ngọc L. Do đó, chỉ có căn cứ ông Tô Ngọc L đã sử dụng đất trồng hồi, trồng quế từ năm 2012 - 2013; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Tô Ngọc L được quyền quản lý, sử dụng đất thửa 84.4.

[13] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Văn H1: Một phần diện tích đất thuộc thửa 84.5 là 2.247m^2 có 600 cây quế trồng từ năm 2016, thời điểm trồng gia đình nguyên đơn không có ý kiến gì, không báo chính quyền địa P xử lý kịp thời. Thấy rằng quá trình giải quyết vụ việc anh thừa nhận anh không nắm được nguồn gốc đất và không có giấy tờ hợp pháp về quá trình quản lý sử dụng đất. Tại cấp phúc thẩm anh Dương Văn H1 xuất trình thêm người làm chứng Lý Tài L, Dương Văn T, Bàn Kim L, Đặng Văn N, Dương Thượng T, Dương Tiến P, Dương Văn T1, Tô Văn L1. Những người làm chứng này viết thành văn bản nhưng cũng không chỉ rõ được vị trí, diện tích cụ thể của phần đất tranh chấp; những người họ Dương có ông Dương Thượng N là anh trai của bị đơn Dương Văn H1 và những người họ Dương khác là họ hàng của bị đơn Dương Văn H1. Do đó, anh Dương Văn H1 chỉ chứng minh được sử dụng trồng quế từ năm 2016; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn H1 đối với yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất thửa 84.5.

[14] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Tô Văn C về phần đất thuộc thửa 84.1 là 1.510m^2 cho rằng gia đình anh được khai phá từ năm 1981 và canh tác liên tục, hàng năm trồng sắn, hoa màu ngắn ngày, tuy nhiên anh không có tài liệu chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng đất từ năm 1981. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Tô Văn C đối với yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất thửa 84.1.

[15] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu pháp luật (ngày 15/10/1993) Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Việc xác lập quyền sử dụng đất của Nhà nước cho cá nhân, hộ gia đình trong thời kỳ Luật Đất đai năm 1993 có hiệu pháp luật (ngày 15/10/1993) căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định không có tranh chấp. Gia đình bà Phùng Thị N quản lý, sử dụng đất tranh chấp, ổn định không có tranh chấp và đã đi kê khai để được cấp các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất như đã nêu trên, các bị đơn đã trồng cây trên đất tranh chấp sau khi gia đình nguyên đơn đã được cấp GCNQSDĐ và đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp. Hộ ông Mông Văn P thuộc trường hợp được Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

[16] Về yêu cầu di dời tài sản trên đất, tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn Tô Ngọc L, Dương Văn H1 và Tô Văn C yêu cầu lấy lại cây, di dời cây đi nơi khác nếu giao đất cho hộ bà Phùng Thị N, anh Mông Văn H cũng nhất trí. Do vậy, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm buộc di dời tài sản trên đất đối với cây trồng thuộc sở hữu của ông Tô Ngọc L. Ngoài ra, trên thửa đất 84.4 có 01 cây trám trắng, 03m^3 gỗ tạp, các bên thừa nhận là tự mọc nên cần giao cho bà Phùng Thị N được sở hữu tài sản trên đất là 01 cây trám trắng, 03m^3 gỗ tạp; cần sửa một phần Bản án sơ thẩm về việc di dời tài sản trên đất tại thửa 84.4.

[17] Về yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số Y 188854, ngày 06/10/2004 của UBND huyện B đã cấp cho hộ ông Mông Văn P tại thửa 84 của các bị đơn Tô Văn C, Tô Ngọc L, Dương Văn H1 thấy rằng: UBND huyện B khẳng định thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mông Văn P thuộc trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất và cấp đúng vị trí lô đất đã giao sổ bìa xanh là lô 77, diện tích 2,6 ha, tuy nhiên do hệ thống bản đồ giao đất rừng và bản đồ cấp GCNQSDĐ năm 2004 thể hiện địa hình không rõ ràng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện UBND huyện B cũng thừa nhận thời điểm cấp đất việc can vẽ bản đồ theo P pháp thủ công, nên không được chính xác. Theo nội dung văn bản trả lời của Hạt K huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho thấy, năm 1998 đã giao lô đất số 77 cho hộ gia đình ông Mông Văn P theo mô tả tại biểu tổng hợp giao đất giao rừng của Hạt K huyện B lập "tại dông đồi có cây mạy bao slam chao lên đến đỉnh đồi, xuống dông lò ngói của chủ hộ P", nhưng khi xem xét thực địa không có dấu tích cây mạy bao slam chao và lò ngói như nguyên đơn trình bày, nhưng các bên thừa nhận lời mô tả về cây mạy bao slam chao và lò ngói tại phần đất tranh chấp là đúng, đến nay không còn dấu tích là do thời gian nên biến động. Tuy nhiên, trên cơ sở Kết luận giám định tư pháp ngày 28/10/2019 về diện tích đất tranh chấp và các văn bản của Hạt K huyện B, tỉnh Lạng Sơn các văn bản của UBND huyện B có đủ căn cứ xác định: Về đối tượng, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ

cho hộ ông Mông Văn P là đúng quy định, do vậy các bị đơn Tô Văn C, Tô Ngọc L, Dương Văn H1 yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ tại thửa 84.1, 84.4, 84.5 là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[18] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần hủy một phần Bản án sơ thẩm về nội dung tranh chấp của nguyên đơ với bị đơn Dương Văn H tại thửa 84.2 và sửa một phần Bản án sơ thẩm về việc di rời tài sản trên đất tại thửa 84.4.

[19] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do hủy một phần Bản án sơ thẩm về nội dung tranh chấp của nguyên đơn với bị đơn Dương Văn H nên anh Dương Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm. Do sửa một phần Bản án sơ thẩm về việc bị đơn ông Tô Ngọc L phải di rời cây trên đất tại thửa 84.4 nên bị đơn ông Tô Ngọc L không phải chịu án phí phúc thẩm. Các bị đơn Tô Văn C, Dương Văn H1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã vùng ba đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm.

[20] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[21] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST, ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, đối với phần giải quyết tranh chấp với bị đơn Dương Văn H về tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 84.2 diện tích 5.343m^2, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu di dời cây trên đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chuyển hồ sơ vụ án cho cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

II. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST, ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 186, 190, 199 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 96, các khoản 2 và 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 70 Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Điều 24, khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2, khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị N về yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Bà Phùng Thị N được quản lý, sử dụng diện tích đất tại đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nằm trong thửa đất số 84, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp của Ủy ban T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm:

1.1. Thửa 84.1 diện tích 1.510m^2. Phía tiếp giáp như sau: phía Bắc giáp đất Tô Văn C có điểm A6-A7 dài 12,3m; Phía Đông Bắc giáp đất Tô Văn H có các điểm A2-A7 dài 20,0m; phía Đông giáp thửa 84.2 có điểm A2-A3 dài 30,59m; Phía Nam giáp đất bà Phùng Thị N có điểm A3-A4 dài 42,59m; Phía Tây giáp thửa 45.1 của Tô Văn C có điểm A4-A6 dài 53,6m;

1.2. Thửa 84.4 diện tích 4.213m^2. Các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất đang tranh chấp có điểm C1-C2-D4 dài 42,40m + 60,38m; Phía Tây giáp đất ông Tô Ngọc L và khe ruộng có điểm D2-D5 dài 138,7m; Phía Nam giáp thửa 84.5 có điểm D4-D5 dài 36,6m; Phía Bắc giáp đất không tranh chấp (đỉnh) có điểm C1-D1-D2 dài 26,40m + 24,28m.

1.3. Thửa 84.5 diện tích 2.247m^2 các phía tiếp giáp là: Phía Đông giáp đất không tranh chấp có điểm D4-E1 dài 54,67m; Phía Tây giáp khe ruộng có điểm D5-E3 dài 81m; Phía Nam giáp đất không tranh chấp có cạnh E1-E3 dài 31,2m; Phía Bắc giáp thửa 84.4 có điểm D4-D5 dài 36,6m.

(Có mảnh trích đo khu đất tranh chấp số TĐ 23-2020 ngày 22/5/2020 kèm theo Bản án).

2. Buộc các bị đơn Tô Văn C, Tô Ngọc L, Dương Văn H1, chấm dứt hành vi tranh chấp tại các thửa đất 84.1 diện tích 1.510m^2; thửa 84.4 diện tích 4213m^2; thửa 84.5 diện tích 2.247m^{2}tại đồi M, thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Kiến nghị Chi nhánh V huyện B, tỉnh Lạng Sơn chỉnh lý về diện tích, địa danh thửa đất đã cấp ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mông Văn P đúng với diện tích thửa 84.1; 84.4; 84.5 mà hiện nay bà Phùng Thị N được giao quản lý, sử dụng.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị N về việc di dời tài sản trên đất, cụ thể:

4.1. Tài sản thuộc thửa 84.1: Buộc anh Tô Văn C di dời 450 cây quế trên thửa đất 84.1 đi nơi khác trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

4.2. Tài sản thuộc thửa 84.4: Buộc ông Tô Ngọc L phải di rời 27 cây hồi; 21 cây quế; 01 bụi cây mạy hóp có 05 cây; 01 bụi cây mai có 10 cây, trên thửa

đất 84.4 đi nơi khác trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phùng Thị N được sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản trên đất 01 cây trám trắng, 03m^3 gỗ tạp;

4.3. Tài sản thuộc thửa 84.5: Buộc anh Dương Văn H1 phải di rời 600 cây quế trên thửa đất 84.5 đi nơi khác trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Không chấp nhận yêu cầu của các bị đơn Tô Văn C, Tô Ngọc L, Dương Văn H1 về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y188854, số vào sổ 00167 theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND, ngày 06/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất số 472 mang tên Mông Văn P; thể hiện trên mảnh trích đo thuộc các thửa 84.1; 84.4; 84.5.

III. Về án phí:

Anh Dương Văn H, ông Tô Ngọc L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Tô Văn C, anh Dương Văn H1 được miễn án phí.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/6/2020)./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự; người tham gia tố tụng khác;
- HCTP; KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiếm